TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/8/2023
V/v: "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Hoàng Văn Thành.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Cao Thị Hưng.

Bà Nguyễn Thị Là.

**** Thư ký phiên tòa*: Bà Trịnh Lê Nhung –** Thư ký Tòa án.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên toà:*** **Bà Lại Thị Giang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023, về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXX-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Anh Phạm Văn T,** sinh năm 19xx

Địa chỉ: Tổ dân phố MD, TT, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

** Bị đơn:* **Chị Đồng Thị Thu T1**, sinh năm 20xx

Địa chỉ: Thôn SL, xã ĐT, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Vắng mặt chị T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Phạm Văn T nguyên đơn trình bày:

** Về quan hệ hôn nhân:* Anh kết hôn với chị T1 ngày 14/12/2021 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị T1 có biểu hiện ngoại tình, anh đã khuyên bảo nhưng chị T1 không nghe. Anh và chị T1 đã sống ly thân từ ngày 12/7/2022. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn với chị Đồng Thị Thu T1.

** Về con chung:* Anh và chị T1 có 01 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 29/8/20xx. Ly hôn anh nhường quyền nuôi con cho chị T1 vì con chưa đủ 36 tháng tuổi và anh tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 9/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

** Về tài sản và nợ:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn chị Đồng Thị Thu T1: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T1 không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/6/2023 của bà Trần Thị Minh T2, sinh năm 1982 (là mẹ đẻ chị T1) - Trú tại: Thôn SL, xã ĐT, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình, trình bày như sau: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án và bà cam kết có trách nhiệm thông báo cho chị T1 biết việc anh T xin ly hôn. Bà xác định chị T1 và anh T kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay chị T1 đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và về thăm con, bà đã thông báo việc anh T xin ly hôn, chị T1 đồng ý.

- Về con chung: Chị T1 và anh T có 01 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 29/8/20xx. Hiện nay con chung đang ở cùng chị T1 và nhờ bà chăm sóc con chung cho chị T1, ly hôn chị T1 có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với bị đơn chị T1, thông qua gia đình chị T1 đã biết được việc anh T xin ly hôn nhưng chị vẫn vắng mặt không trực tiếp đến Tòa án làm việc nên việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa nghiêm chỉnh.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Đồng Thị Thu T1.

+ Về con chung: Anh T và chị T1 có 01 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 29/8/20xx. Hiện nay con chung đang ở cùng chị T1 nhưng do điều kiện hoàn cảnh chị T1 phải đi làm ăn nên đã gửi mẹ đẻ trông nom, chăm sóc, chị T1 cũng thường xuyên về gia đình thăm nom, chăm sóc con nên vẫn đảm bảo nghĩa vụ của người làm mẹ, ngoài ra hiện con chung chưa đủ 36 tháng tuổi và anh T cũng đồng ý để chị T1 trực tiếp nuôi con nên tiếp tục giao con chung Phạm Ngọc A cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp.

+ Về tài sản và nợ: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng:***

- Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Đông Hưng, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Đông Hưng giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Tại phiên tòa ngày 11/7/2023, chị Đồng Thị Thu T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T1 vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

- Tại phiên tòa ngày 02/8/2023, anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:***

Anh T và chị T1 kết hôn ngày 14/12/2021 do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được thời ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn anh làm đơn xin được ly hôn với chị Đồng Thị Thu T1. Tại biên bản xác minh ngày 18/5/2023, UBND xã ĐT xác định chị T1 và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy. Chị T1 đã về thôn SL sinh sống từ khoảng tháng 7/2022, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Về con chung chị T1 và anh T có 01 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 29/8/20xx (đăng ký khai sinh tại UBND xã ĐT). Ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để bảo quyền lợi hợp pháp cho con chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích khuyên bảo anh T bỏ qua mâu thuẫn, cho chị T1 cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, anh T xác định giữa anh và chị T1 không còn tình cảm nên anh vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị T1.

Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị T1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] ***Về con chung:*** Anh T và chị T1 có 01 con chung là Phạm Ngọc A, sinh ngày 29/8/2021, hiện nay con chung đang ở cùng chị T1. Hội đồng xét xử

thấy rằng: Tuy trong quá trình giải quyết vụ án chị T1 không đến Tòa án làm việc trực tiếp nhưng chị T1 thường xuyên liên lạc và về thăm con do điều kiện hoàn cảnh phải đi làm ăn. Thông qua bà T2 là mẹ đẻ, chị T1 cũng trình bày nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi con chung Phạm Ngọc A vì hiện nay con đang ở cùng chị và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T mong muốn nhường quyền nuôi con chung cho chị T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ngoài ra con chung hiện chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao con cho chị T1 trực tiếp nuôi vẫn đảm bảo quyền lợi cho con chung theo quy định của pháp luật và chấp nhận việc anh T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 9/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] ***Về tài sản:*** Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] ***Về án phí:*** Anh Phạm Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

[6] ***Quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Văn T được ly hôn chị Đồng Thị Thu T1.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đồng Thị Thu T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Phạm Ngọc A sinh ngày 29/8/20xx và chấp nhận việc anh T tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng từ tháng 9/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003184 ngày 13/4/2023 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn T và chị Đồng Thị Thu T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đông Hưng;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hoàng Văn Thành